

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc chấp hành pháp luật về tài chính, ngân sách tại Trường trung học phổ thông Nguyễn Trung Trực

Thực hiện Quyết định số 39/QĐ-STC ngày 31/3/2023 của Giám đốc Sở Tài chính Thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài chính, ngân sách năm 2022 tại Trường trung học phổ thông Nguyễn Trung Trực, Đoàn thanh tra theo Quyết định số 39/QĐ-STC đã tiến hành thanh tra thực tế tại đơn vị.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 16/5/2023 của Trưởng Đoàn thanh tra, Giám đốc Sở Tài chính kết luận thanh tra như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG:

1. Tình hình chung Trường trung học phổ thông Nguyễn Trung Trực:

1.1. Khái quát về Trường:

Trường THPT Nguyễn Trung Trực là trường công lập tự chủ (bán công trước đây), được thành lập vào ngày 06/08/1997 theo Quyết định số 2098/QĐ-UB của UBND tỉnh Bình Định. Trường THPT Nguyễn Trung Trực (sau đây gọi tắt là Trường) là cơ sở giáo dục quốc dân trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định, chịu sự chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Sở Giáo dục và Đào tạo. Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, hoạt động theo cơ chế tự chủ một phần về tài chính. Trường có trụ sở tại 28, Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn Phù Mỹ, Bình Định.

1.2. Chức năng, nhiệm vụ:

Hoạt động của nhà trường thực hiện theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, ban hành theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhiệm vụ của nhà trường là giảng dạy và giáo dục toàn diện học sinh theo chức năng, nhiệm vụ được phân công; tạo nguồn nhân lực để phân luồng lao động, nâng cao dân trí trên địa bàn huyện.

1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy:

- Tổng số viên chức, người lao động năm 2022: 52 người, trong đó: cán bộ quản lý: 02; giáo viên: 43; nhân viên: 07 (04 biên chế, 03 nhân viên hợp đồng công việc). Bộ máy của Trường được cơ cấu thành: bộ phận lãnh đạo, 6 tổ chuyên môn và 1 tổ văn phòng (Tổ Văn-Sử-GDCD: 09 người; Tổ Toán-Tin: 09 người; Tổ Hóa-Sinh: 08 người; Tổ Lý-Địa-CN: 07 người ; Tổ Ngoại ngữ: 07 người; Tổ Thể dục-QP: 05 người; Tổ Văn phòng: 05 người).

100% GV và cán bộ quản lý đạt chuẩn (có 07 thạc sỹ).

1.4. Đặc điểm mô hình và tổ chức công tác tài chính, kế toán:

Trường thực hiện công tác kế toán theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, ghi sổ trên phần mềm kế toán Misa.

Bộ phận Tài chính Kế toán của Trường thuộc Tổ Văn phòng, kế toán chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện toàn bộ công tác kế toán tài chính và thống kê của đơn vị. Trong đó tổ chức thu nhận, hệ thống hóa, cung cấp toàn bộ thông tin về tình hình quản lý và sử dụng tài sản, kinh phí của đơn vị.

1.5. Những thuận lợi và khó khăn:

- Thuận lợi: Trường được sự quan tâm của Sở Giáo dục và Đào tạo và các cấp chính quyền của địa phương.

- Khó khăn: Tình hình dịch bệnh Covid19 trong năm 2022 ảnh hưởng lớn tới hoạt động nhà trường. Chất lượng đầu vào học sinh thấp. Một bộ phận học sinh còn ham chơi, lười học, thiếu ý thức rèn luyện phẩm chất đạo đức. Một số gia đình học sinh thiếu quan tâm, khoán trắng việc giáo dục cho nhà trường. Nhiều học sinh bỏ học.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022:

Số lượng học sinh các năm học dao động khoảng 750-780 em. Học sinh được xét tuyển từ các trường THCS thuộc các xã Mỹ Quang, Mỹ Trinh, Mỹ Hòa, Mỹ Hiệp, Mỹ Tài và thị trấn Phù Mỹ.

- Kết quả giáo dục học sinh:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Xếp loại theo hạnh kiểm	745	267	252	226
1	Tốt	66.71%	52.43%	69.84%	80.09%
2	Khá	26.85%	35.96%	26.59%	16.37%
3	Trung bình	6.44%	11.61%	3.57%	3.54%
II	Xếp loại theo học lực	745	267	252	226
1	Giỏi	1.48%	0.37%	1.98%	2.21%
2	Khá	40.67%	22.10%	34.92%	69,03%
3	Trung bình	51.14%	61.05%	61.11%	28.32%
4	Yếu	6.71%	16.48%	1.98%	0.44%

III	Tổng hợp kết quả cuối năm	745	267	252	226
1	Lên lớp	93.42%	83.52%	98.02%	100.00%
a	Học sinh giỏi	1.48%	0.37%	1.98%	2.21%
b	Học sinh tiên tiến	40.54%	22.10%	34.92%	68.58%
2	Thi lại	6.71%	16.48%	1.98%	0.44%
IV	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	226	0	0	226

- Tình hình học sinh bỏ học: 18 học sinh.
- Tỷ lệ tốt nghiệp THPT năm 2022: 224/226 học sinh, tỷ lệ: 99,12%.
- Xét tuyển vào lớp 10: 286 học sinh.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH:

1. Việc ban hành và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ:

1.1. Về căn cứ ban hành:

Để ban hành được Quy chế chi tiêu nội bộ Trường cần phải căn cứ vào các quy định của Nhà nước về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, cơ chế tài chính được áp dụng cho Trường.

Trường đã được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt phương án tự chủ tài chính, giai đoạn 2022-2025 tại Quyết định số 1543/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 (Quyết định này được thay thế bởi Quyết định số 4367/QĐ-UB ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Bình Định) nhưng Trường còn các tồn tại sau:

- Thiếu quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường được cấp thẩm quyền phê duyệt. Theo điểm c khoản 1 Điều 10 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, Hội đồng trường phải thực hiện: quyết định về quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt...nhưng từ trước đến nay Trường chưa thực hiện (Quyết định số 3103/QĐ-CTUBND ngày 31/12/2012 Chủ tịch UBND tỉnh Bình định quyết định chuyển đổi loại hình trường bán công sang công lập, chưa quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động của Trường).

- Ngoài ra, Trường còn nêu văn bản đã không còn phù hợp để làm căn cứ là Thông tư số 113/2007/TT-BTC ngày 24/9/2007 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 71/2006/TT-BTC hướng dẫn xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị sự nghiệp thực hiện tự chủ (Thông tư này hết hiệu lực do căn cứ ban hành là Nghị định 43/2006/NĐ-CP đã hết hiệu lực, do các cơ quan thẩm quyền ở Trung ương chậm ban hành thông tư hướng dẫn Nghị định số 60/2021/NĐ-CP,

ngày 16/9/2022, Bộ Tài chính mới ban hành Thông tư số 56/2022/TT-BTC hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập mới bãi bỏ Thông tư số 71/2006/TT-BTC).

Như vậy, ngoài cơ chế tài chính được quy định theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường còn thiếu căn cứ pháp lý để ban hành.

1.2. Về thẩm quyền, thủ tục:

Trên cơ sở các văn bản của Nhà nước về tổ chức, hoạt động và tài chính, Trường đã tổ chức thông qua hội nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên năm học 2021-2022 và xác nhận của Chủ tịch công đoàn Trường, Hiệu trưởng Trường đã ban hành Quyết định số 49/QĐ-THPT ngày 08/6/2022 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022. Trong năm 2022, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường có điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 64/QĐ-THPT ngày 24/8/2022 của Hiệu trưởng Trường về việc bổ sung một số điều Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022.

Như vậy, Trường đã thực hiện đúng các trình tự và thẩm quyền ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ. Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường được gửi đến Sở Giáo dục và Đào tạo, Kho bạc Nhà nước Phù Mỹ nhưng không thể hiện ở Quyết định và thiếu văn bản gửi kèm theo Quy chế để đề nghị xem xét, có ý kiến tham gia hoặc chỉ đạo.

1.3. Về nội dung của Quy chế chi tiêu nội bộ:

Nhìn chung, các nội dung chi cho hoạt động của Trường đã được Trường quy định đầy đủ, cụ thể, chi tiết trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Tuy nhiên, do chưa cập nhật đầy đủ các quy định của Nhà nước nên Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường có các tồn tại sau đây:

- Cơ sở pháp lý xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ: Không cần thiết phải nêu nhiều văn bản quy phạm pháp luật để làm căn cứ thực hiện vì không thể nêu hết các văn bản được áp dụng trong Trường, chỉ cần nêu các văn bản chính về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và cơ chế tài chính.

- Chưa quy định rõ nguồn kinh phí (nguồn thu) để thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ tránh trường hợp quản lý, sử dụng sai, nhầm lẫn tiêu chuẩn, định mức, nội dung.

- Khoản 3 Điều 5 Quy chế chi tiêu nội bộ: Chỉ cho cán bộ, giáo viên được cử đi đào tạo. Là đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên, Trường cần bố trí nội dung chi này vào kinh phí không khoán chi và đề nghị ngân sách bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành quy định về chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo.

- Khoản 4 Điều 6: thanh toán trợ cấp đi học: Trùng với Khoản 3 Điều 5.

- Điều 6: Các khoản thanh toán cho cá nhân: "...thanh toán theo Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Bình Định". Vấn đề này, có

mâu thuẫn với ngày ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ theo Quyết định số 49/QĐ-THPT ngày 08/6/2022 (Trường đã điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 64/QĐ-THPT).

- Một số lỗi do kỹ thuật soạn thảo như nêu các văn bản không cần thiết; quy định những nội dung không có tại đơn vị, không sát thực tế, lặp lại 1 số dòng, một số từ ngữ...

1.4. Về thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ:

Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường có một số quy định chưa phù hợp nhưng không ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình sử dụng kinh phí, qua thanh tra chưa phát hiện các sai phạm có liên quan đến Quy chế chi tiêu nội bộ. Trường đã thực hiện tốt các khoản chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ. Cụ thể theo các nội dung thanh tra chi tiết dưới đây.

2. Thanh tra việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí NSNN cấp

2.1. Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí tự chủ về tài chính:

Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp tự chủ về tài chính cấp cho Trường dùng để chi cho hoạt động của bộ máy, mua sắm thiết bị phục vụ dạy học trực tuyến, được thực hiện theo các quyết định giao dự toán của Sở Giáo dục và Đào tạo như: Quyết định số 4648/QĐ-SGDĐT ngày 28/12/2021, Quyết định số 297/QĐ-SGDĐT ngày 16/3/2022, Quyết định số 4681/QĐ-SGDĐT ngày 30/12/2022. Số liệu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Theo số BCQT	Theo số Kiểm tra	Chênh lệch
1	Kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	0
2	Kinh phí được giao (kể cả điều chỉnh, bổ sung)	7.083.120.000	7.083.120.000	0
3	Kinh phí được sử dụng trong năm	7.083.120.000	7.083.120.000	0
4	Kinh phí đề nghị quyết toán	7.083.120.000	7.083.120.000	0
5	Kinh phí còn tồn cuối năm	0	0	0

Trường đã quản lý và sử dụng đúng quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ nguồn kinh phí này.

2.2. Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí không tự chủ về tài chính:

Nguồn kinh phí NSNN cấp không tự chủ về tài chính để thực hiện giáo dục Phòng chống tham nhũng; chi hoạt động chi, đảng bộ cơ sở; chi hỗ trợ miễn, giảm học phí và chi phí học tập; chi mua sắm thiết bị tối thiểu lớp 10 theo Chương trình giáo dục phổ thông mới; mua sắm bổ sung thiết bị thí nghiệm vật

lý, hóa học, sinh học được thực hiện theo các quyết định của Sở Giáo dục và Đào tạo như: Quyết định số 4648/QĐ-SGDĐT ngày 28/12/2021, Quyết định số 4046/QĐ-SGDĐT ngày 09/11/2022, Quyết định số 4378/QĐ-SGDĐT ngày 15/12/2022. Số liệu cụ thể như:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	BCQT	Số Kiểm tra	Chênh lệch
1	Kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	0
2	Kinh phí được giao (kể cả điều chỉnh, bổ sung)	347.071.000	347.071.000	0
3	Kinh phí được sử dụng trong năm	347.071.000	347.071.000	0
4	Kinh phí đề nghị quyết toán	347.071.000	347.071.000	0
5	Kinh phí còn tồn cuối năm	0	0	0

Trường quản lý và sử dụng đúng quy định của Nhà nước nguồn kinh phí này.

3. Việc trích lập, sử dụng nguồn cải cách tiền lương (CCTL) (bao gồm 40% nguồn thu học phí, nguồn thu dịch vụ):

Nguồn CCTL được thực hiện theo các quyết định của Sở Giáo dục và Đào tạo như: Quyết định số 4648/QĐ-SGDĐT ngày 28/12/2021, Quyết định số 3962/QĐ-SGDĐT ngày 28/10/2022, Quyết định số 4681/QĐ-SGDĐT ngày 30/12/2022. Số liệu cụ thể như:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Theo số BCQT	Theo số Kiểm tra	Chênh lệch
1	Kinh phí năm trước chuyển sang	343.139.957	343.139.957	0
	- 40% nguồn thu học phí	0	0	0
	- 40% nguồn thu dạy thêm	47.096.627	47.096.627	0
	- 40% nguồn thu khác	32.000.000	32.000.000	0
	- Ngân sách nhà nước	264.043.330	264.043.330	0
2	Kinh phí được giao và trích trong năm (kể cả điều chỉnh, bổ sung)	355.425.905	355.425.905	0
	- 40% nguồn thu học phí	398.748.000	398.748.000	0

	- 40% nguồn thu dạy thêm	21.021.235	21.021.235	0
	- 40% nguồn thu khác	0	0	0
	- Ngân sách nhà nước	-64.343.330	-64.343.330	0
3	Kinh phí đề nghị quyết toán	398.748.000	499.565.862	100.817.862
	40% nguồn thu học phí	398.748.000	398.748.000	0
	40% nguồn thu dạy thêm	0	68.117.862	68.117.862
	40% nguồn thu khác	0	32.000.000	32.000.000
	Ngân sách nhà nước	0	700.000	700.000
4	Kinh phí còn tồn cuối năm	299.817.862	199.000.000	-100.817.862
	40% nguồn thu học phí	0	0	0
	40% nguồn thu dạy thêm	68.117.862	0	-68.117.862
	40% nguồn thu khác	32.000.000	0	-32.000.000
	Ngân sách nhà nước (nguồn CCTL giai đoạn 2022-2025)	199.700.000	199.000.000	-700.000

Nguyên nhân chênh lệch:

Theo Quyết định giao dự toán số 4648/QĐ-SGDĐT ngày 28/12/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo, năm 2022 Trường được sử dụng: 600.000.000 đồng từ nguồn thực hiện CCTL để chi lương cho các biên chế được UBND tỉnh giao. Trong quá trình thực hiện nhà trường chỉ mới sử dụng: 398.748.000 đồng từ 40% nguồn CCTL từ thu học phí để chi lương, số còn lại nhà trường sử dụng nguồn tự chủ (nguồn 13) để chi. So với Quyết định 4648/QĐ-SGDĐT, thì Trường còn được sử dụng thêm nguồn CCTL số kinh phí: 201.252.000 đồng để chuyển qua nguồn tự chủ để sử dụng. Tuy nhiên, qua xem xét thực tế nguồn CCTL của Trường chỉ còn: 100.817.862 đồng. Do vậy, Trường chỉ được chuyển số kinh phí CCTL còn lại qua nguồn tự chủ. Số chênh lệch còn lại (100.434.138 đồng), Đoàn thanh tra không chấp nhận quyết toán hoặc trích bù năm sau, do không còn nguồn kinh phí.

Kết quả xử lý:

- Kinh phí CCTL được chuyển năm sau (NSNN cấp): 199.000.000 đồng.
- Được chuyển qua nguồn tự chủ để trích lập các quỹ: 100.817.862 đồng.

4. Thanh tra việc quản lý và sử dụng nguồn thu học phí (không bao gồm nguồn kinh phí NSNN cấp bù do miễn, giảm học phí):

Trong năm 2022, Trường tổ chức thu học phí theo Quyết định 50/2021/QĐ-UBND ngày 13/8/2021, Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh Bình Định về mức thu học phí năm học 2021-2022 và năm học 2022-2023. Học phí năm 2022 được áp mức thu học phí theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định quy định mức thu học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ. Theo đó, đối với học sinh vùng thành thị: mức thu 270.000 đồng/tháng/học sinh; đối với học sinh vùng nông thôn: mức thu 110.000 đồng/tháng/học sinh. Số liệu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Theo số BCQT	Theo số KT	Chênh lệch
1	Thu học phí năm 2022	919.550.000	919.550.000	0
	Học kỳ II năm học 2021-2022	504.130.000	504.130.000	0
	Học kỳ I năm học 2022-2023	415.420.000	415.420.000	0
2	Chi từ nguồn học phí năm 2022	428.935.758	428.935.758	0
	Chi quản lý, nghiệp vụ chuyên môn	61.115.758	61.115.758	0
	Sử dụng 40% để chi lương, các khoản phụ cấp và các khoản trích theo lương	367.820.000	367.820.000	0
3	Chênh lệch thu - chi	490.614.242	490.614.242	0
4	Trích lập các quỹ	490.614.242	490.614.242	0
	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	52.478.621	52.478.621	0
	Quỹ phúc lợi	137.000.000	137.000.000	0
	Quỹ khen thưởng	21.135.621	21.135.621	0
	Quỹ bổ sung thu nhập	280.000.000	280.000.000	0

Trường quản lý và sử dụng tốt nguồn thu học phí.

5. Thanh tra việc quản lý và sử dụng nguồn thu dạy thêm:

Ngày 12/02/2022, Ban giám hiệu nhà trường đã tiến hành họp với Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp để bàn về kế hoạch dạy thêm, học thêm trong nhà trường năm học 2021-2022. Trong đó, thống nhất mức thu, mức chi tiền dạy thêm, học thêm, theo đó mức thu dạy thêm, học thêm là 7.000 đồng/tiết/học sinh. Như vậy, việc tổ chức dạy thêm, học thêm của nhà có sự thống nhất giữa nhà trường và đại diện phụ huynh học sinh là thực hiện đúng theo quy định tại điểm b

khoản 1 Điều 7 Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm.

Số liệu nguồn thu dạy thêm, học thêm như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Theo số BCQT	Theo số KT	Chênh lệch
1	Tổng thu dạy thêm năm 2022	357.504.000	357.504.000	0
2	Tổng chi từ nguồn thu dạy thêm năm 2022	304.950.912	304.950.912	0
	Nộp thuế TNDN	7.150.080	7.150.080	
	Chi cho công tác quản lý	35.035.392	35.035.392	0
	Thanh toán tiền cho giáo viên trực tiếp dạy thêm	262.765.440	262.765.440	0
3	Chênh lệch thu - chi (1-2)	52.553.088	52.553.088	0
	Trích 40% để thực hiện CCTL (3*40%)	21.021.235	21.021.235	0
	Chi khác	78.651	78.651	
4	Trích lập các quỹ	31.453.202	31.453.202	0

Trường quản lý và sử dụng tốt nguồn thu này.

6. Kiểm tra việc thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021:

Thực hiện Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Công văn số 310/CTr-SGDĐT ngày 26/01/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022, Trường đã thực hiện việc xây dựng, ban hành Chương trình Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 tại Chương trình số 01/CTr-THPT ngày 16/3/2022. Tuy nhiên, Trường chưa xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí dài hạn theo quy định của Chính phủ tại khoản 4 Điều 11 Mục 3 Chương II Nghị định số 84/2014/NĐ-CP, do Trường là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, hàng năm thực hiện theo chương trình của Sở không xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí dài hạn riêng.

Trường đã thực hiện báo cáo Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 tại Báo cáo số 09/BC-THPT ngày 17/01/2023. Báo cáo của Trường

đúng quy định của Bộ Tài chính theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC và Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 về việc quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên, được tích hợp lên hệ thống chung.

Trường đã thực hiện tương đối đầy đủ công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và việc thực hiện tiết kiệm chi tiêu tốt hơn so với năm 2021 nhưng thiếu chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí dài hạn.

7. Thanh tra việc chấp hành pháp luật về kế toán:

7.1. Việc áp dụng chế độ kế toán, tài khoản kế toán:

Trường là đơn vị dự toán cấp III thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP. Kế toán thuộc bộ phận Văn phòng.

Trường thực hiện chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp được ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC. Trường áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và thao tác trên máy vi tính theo chương trình phần mềm kế toán Misa.

7.2. Việc tổ chức bộ máy kế toán, bố trí người làm kế toán:

Bộ máy kế toán của Trường được giao cho 1 người phụ trách, chịu trách nhiệm toàn bộ công tác kế toán của Trường. Nhân sự cho công tác kế toán đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập. Nhân sự làm công tác kế toán phù hợp với quy mô và yêu cầu quản lý của Trường.

Phụ trách kế toán đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 Quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán. Phụ trách kế toán được bổ nhiệm đúng quy định.

7.3. Việc chấp hành quy định về chứng từ, tài khoản kế toán, sổ sách kế toán, báo cáo quyết toán, bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán:

Qua kiểm tra chứng từ, sổ sách kế toán và báo cáo quyết toán được lưu trữ tại Trường năm 2022 cho thấy, Trường chấp hành và thực hiện đúng theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC: lập đầy đủ, đúng biểu mẫu các loại chứng từ, sổ sách kế toán và báo cáo quyết toán. Hạch toán đúng quy định, kịp thời các nghiệp vụ kế toán phát sinh. Việc lưu trữ hồ sơ gọn gàng, ngăn nắp, đúng quy định.

7.4. Việc chấp hành quy định công khai tài chính:

Trường đã lập đầy đủ báo cáo công khai dự toán thu, chi thường xuyên năm 2022; công khai tình hình thực hiện dự toán hàng quý, hàng năm; công khai quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm đúng quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC. Việc công khai được thực hiện bằng văn bản đúng nội dung, thời gian, hình thức và biểu mẫu theo quy

định. Báo cáo quyết toán và báo cáo tài chính gửi đến Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định đúng thời gian quy định.

III. KẾT LUẬN:

1. Ưu điểm và kết quả đạt được:

- Trường đã thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Định giao. Đảm bảo đầy đủ, kịp thời các nhu cầu hoạt động dạy và học của trường, hoạt động hỗ trợ giáo dục đảm bảo chất lượng tốt.

- Tuân thủ đầy đủ các quy trình, thủ tục về lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước. Sử dụng các nguồn kinh phí ngân sách nhà nước đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

2. Khuyết điểm, tồn tại:

2.1. Trong việc ban hành và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ:

- Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường thiếu các căn cứ pháp lý để ban hành: Thiếu quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Chưa đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, có ý kiến tham gia hoặc chỉ đạo về Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Cơ sở pháp lý xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ: Không cần thiết phải nêu nhiều văn bản quy phạm pháp luật để làm căn cứ thực hiện.

- Chưa quy định rõ nguồn kinh phí (nguồn thu) để thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ tránh trường hợp quản lý, sử dụng sai, nhằm lẫn tiêu chuẩn, định mức, nội dung.

- Một số lỗi do kỹ thuật soạn thảo như: nêu các văn bản không cần thiết; quy định trùng nội dung, thời gian trong Quy chế chi tiêu nội bộ chưa thống nhất, hợp lý, quy định những nội dung không có tại đơn vị, không sát thực tế, lặp lại 1 số dòng, một số từ ngữ...

2.2. Trong việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí tự chủ:

Sử dụng chưa đúng nguồn kinh phí: theo quyết định của cấp có thẩm quyền Trường được sử dụng nguồn kinh phí CCTL để chi cho bộ máy nhưng Trường chưa sử dụng hết mà chỉ sử dụng một phần nguồn kinh phí tự chủ để chi. Do vậy, số dư nguồn CCTL được điều chỉnh giảm: 100.817.862 đồng để có nguồn hoàn trả lại nguồn kinh phí tự chủ: 100.817.862 đồng.

2.3. Trong việc thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Thiếu chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí dài hạn.

*** Nguyên nhân để xảy ra các sai sót, vi phạm:**

- Hiệu trưởng Trường chưa chú trọng đến công tác tài chính; phụ thuộc vào sự tham mưu của bộ phận tài chính, kế toán.

- Kế toán không cập nhật kịp thời, đầy đủ các quy định của Nhà nước, nhận thức chưa đầy đủ về chế độ tài chính nên chưa áp dụng đúng vào đơn vị.

Trách nhiệm trong việc để xảy ra các sai sót vi phạm trên thuộc về Hiệu trưởng và Phụ trách kế toán Trường.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG:

Không có

V. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ:

1. Đối với Trường THPT Nguyễn Trung Trực:

1.1. Căn cứ Kết luận thanh tra Trường tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm về những khuyết điểm, tồn tại và có biện pháp chấn chỉnh, chấm dứt ngay.

1.2. Xây dựng lại Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ngay trong năm 2023 để làm căn cứ thực hiện. Hàng năm, rà soát sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp theo đúng quy định.

1.3. Trong niên độ ngân sách năm 2023, điều chỉnh giảm số dư nguồn kinh phí CCTL, đồng thời tăng tương ứng số dư của nguồn kinh phí tự chủ số tiền: 100.817.862 đồng và có phương án phân phối khoản kinh phí tiết kiệm được này cho các quỹ của Trường.

1.4. Kiến nghị Hội đồng Trường trình cấp thẩm quyền phê duyệt Quy chế tổ chức bộ máy và hoạt động của Trường.

1.5. Công khai Kết luận thanh tra theo quy định.

2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo:

2.1. Chỉ đạo và hướng dẫn Trường thực hiện Kết luận thanh tra.

2.2. Chỉ đạo Trường lập các thủ tục trình cấp thẩm quyền phê duyệt Quy chế tổ chức bộ máy và hoạt động của Trường.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài chính, ngân sách năm 2022 tại Trường trung học phổ thông Nguyễn Trung Trực. Trường trung học phổ thông Nguyễn Trung Trực và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện các kiến nghị và báo cáo kết quả thực hiện bằng văn bản đến Sở Tài chính theo quy định tại Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ về quy định việc thực hiện kết luận thanh tra./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Trường THPT Nguyễn Trung Trực;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thanh tra tỉnh (báo cáo);
- Sở Giáo dục và Đào tạo (phối hợp);
- Giám đốc Sở Tài chính;
- Phó GD Sở TC – Đ.T.Hương;
- Lưu: VT, HCSN, TTr, Websiete Sở, Đoàn TTr.



**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đặng Thu Hương